

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 35/NQ-HĐND

Quảng Ngãi, ngày 16 tháng 12 năm 2014

NGHỊ QUYẾT
Về Chương trình xây dựng nghị quyết năm 2015
của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHÓA XI - KỲ HỌP THỨ 14

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Trên cơ sở xem xét Tờ trình số 20/TTr-HĐND ngày 5 tháng 12 năm 2014 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về Chương trình xây dựng nghị quyết năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh, khóa XI và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Chương trình xây dựng nghị quyết năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi khóa XI, cụ thể:

1. Kỳ họp chuyên đề: Từ ngày 9 - 10 tháng 4 năm 2015, thông qua các nghị quyết:

1.1. Quy định một số chính sách khuyến khích thực hiện xã hội hóa thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường và giám định tư pháp (*thay thế Nghị quyết số 23/2012/NQ-HĐND ngày 5/10/2012 của HĐND tỉnh quy định một số chính sách khuyến khích thực hiện xã hội hóa thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao và môi trường của tỉnh Quảng Ngãi*);

1.2. Đề án rà soát điều chỉnh, bổ sung quy hoạch 03 loại rừng trên địa bàn tỉnh;

1.3. Quy định về nội dung, mức chi thực hiện nhiệm vụ chuyển hóa các địa bàn phức tạp về trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và Quy định về nội dung, mức chi thực hiện các hoạt động phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm về ma túy ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

1.4. Quy định mức thu lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (*thay thế Nghị quyết số 58/2008/NQ-HĐND ngày 16/12/2008 của HĐND tỉnh quy định mức thu lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi*);

1.5. Quy định mức chi thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (*thay thế Nghị quyết số 29/2013/NQ-HĐND ngày 10/12/2013 của HĐND tỉnh quy định mức chi có tính chất đặc thù cho công tác phổ biến giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi*);

1.6. Quy định mức thu lệ phí đăng ký hộ tịch trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (*thay thế Nghị quyết số 25/2012/NQ-HĐND ngày 05/10/2012 của HĐND tỉnh quy định mức thu lệ phí đăng ký hộ tịch trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi*);

1.7. Quy định một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển Hợp tác xã dịch vụ và khai thác hải sản xa bờ trên địa bàn tỉnh (*sửa đổi, bổ sung Quy định một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển Hợp tác xã dịch vụ và khai thác hải sản xa bờ trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 34/2012/NQ-HĐND ngày 10/12/2012 của HĐND tỉnh*);

1.8. Đề án phân loại thành phố Quảng Ngãi đạt tiêu chuẩn đô thị loại II;

1.9. Đề án duy trì, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động Nghiệp đoàn nghề cá tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2015 - 2020;

1.10. Quy định mức trợ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt và sạch cho cán bộ, công chức, viên chức công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang ven biển trên địa bàn tỉnh;

1.11. Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2015 - 2020;

1.12. Quy định tiêu chí dự án trọng điểm nhóm C;

1.13. Chương trình phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

1.14. Quy định mức thu lệ phí đăng ký cư trú, chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (*thay thế Nghị quyết số 66/2008/NQ-HĐND ngày 16/12/2008 của HĐND tỉnh quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký cư trú, lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi*);

2. Kỳ họp thường kỳ giữa năm: Từ ngày 02 - 4 tháng 7 năm 2015, thông qua các nghị quyết:

2.1. Về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2015;

2.2. Kế hoạch đầu tư công năm 2016 (*để gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính theo quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 59 Luật Đầu tư công*);

2.3. Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương;

2.4. Chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn của tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2015-2020;

2.5. Kế hoạch sử dụng đất 05 năm 2016-2020;

2.6. Kế hoạch đầu tư công 05 năm 2016-2020 (để gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 58 Luật Đầu tư công);

2.7. Đề án phân loại khu vực trung tâm huyện lỵ Minh Long đạt tiêu chuẩn đô thị loại V;

2.8. Đề án phân loại thị trấn Ba Tơ đạt tiêu chuẩn đô thị loại V;

2.9. Đề án Đảm bảo tái hòa nhập cộng đồng đối với người chấp hành xong án phạt tù trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

2.10. Đề án Phát hiện, xây dựng, củng cố và nhân rộng các mô hình tiên tiến, xuất sắc trong phòng, chống tội phạm và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trên địa bàn tỉnh;

2.11. Quy định mức thu phí thư viện và tham quan danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hóa trên địa bàn tỉnh;

2.12. Thông qua Quy hoạch thủy lợi tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

2.13. Các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước tỉnh Quảng Ngãi;

2.14. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương;

2.15. Quy hoạch quản lý khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước (nước mặt và nước dưới đất) tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, tầm nhìn 2025.

3. Kỳ họp thường kỳ cuối năm: Từ ngày 8 - 11 tháng 12 năm 2015, thông qua các nghị quyết:

3.1. Về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2016;

3.2. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2016-2020;

3.3. Về dự toán và phân bổ ngân sách địa phương năm 2016;

3.4. Quyết định kế hoạch đầu tư năm 2016 vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương và các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư;

3.5. Phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2014;

3.6. Về Chương trình xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh năm 2016;

3.7. Về Chương trình giám sát của HĐND tỉnh năm 2016;

3.8. Quyết định kế hoạch đầu tư công 05 năm 2016 - 2020 vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương và các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư;

3.9. Đề án phân loại khu vực trung tâm huyện lỵ Lý Sơn đạt tiêu chuẩn đô thị loại V;

3.10. Về giá các loại rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

3.11. Quy định mức thu và quản lý sử dụng phí cảng cá và khu neo đậu trú bão cho tàu cá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

3.12. Quy định mức thưởng cho người có công vận động đầu tư vào địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

3.13. Quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện đối với xe mô tô trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

3.14. Quy định mức thu phí thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh;

3.15. Quy định chế độ hỗ trợ đối với sinh viên, cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh được cử đi đào tạo trong và ngoài nước (*thay thế Quy định chế độ hỗ trợ đối với sinh viên, cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh được cử đi đào tạo trong và ngoài nước ban hành kèm theo Nghị quyết số 65/2008/NQ-HĐND ngày 16/12/2008 của HĐND tỉnh*);

3.16. Điều chỉnh, thành lập mới một số thôn, tổ dân phố thuộc các huyện, thành phố;

3.17. Danh mục dự án cần thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng trong kế hoạch sử dụng đất năm 2016 của tỉnh Quảng Ngãi;

3.18. Đề án thành lập thị xã Đức Phổ trực thuộc tỉnh và thành lập phường thuộc thị xã.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm phân công cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan phối hợp để chuẩn bị tờ trình, đề án và dự thảo nghị quyết đúng quy định, đảm bảo chất lượng và thời gian.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phân công các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh theo dõi, thẩm tra tờ trình, dự thảo nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật.

3. Trong trường hợp cần điều chỉnh chương trình xây dựng nghị quyết, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh để thống nhất và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI thông qua ngày 13 tháng 12 năm 2014, tại kỳ họp thứ 14./.

CHỦ TỊCH
Trần Ngọc Căng